

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**BỘ TÀI CHÍNH -
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49/2014/TTLT-BTC-BKHCN

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2014

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn quản lý tài chính của Chương trình hỗ trợ phát triển
doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ
công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm**

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm;

Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn quản lý tài chính của Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn quản lý tài chính thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm (sau đây viết tắt là Chương trình) được phê duyệt tại Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và thực hiện Chương trình.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan chủ quản dự án:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ quản đối với các dự án của Chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý;

b) Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở Trung ương (sau đây viết tắt là Bộ, ngành) là cơ quan chủ quản đối với các dự án của Chương trình do Bộ, ngành quản lý;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) là cơ quan chủ quản đối với các dự án của Chương trình do địa phương quản lý và các dự án do Trung ương ủy quyền địa phương quản lý (nếu có).

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án là tổ chức, cá nhân đề xuất dự án và được cấp thẩm quyền phê duyệt, giao thực hiện dự án.

Điều 3. Nguyên tắc huy động các nguồn tài chính

1. Dự án cần có phương án huy động các nguồn tài chính, trong đó nêu đầy đủ nhu cầu về kinh phí, chi tiết theo từng nguồn nêu tại Điều 6 của Thông tư này và thuyết minh rõ khả năng huy động các nguồn tài chính để thực hiện dự án.

2. Phương án huy động các nguồn tài chính đảm bảo tính khả thi:

a) Các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện dự án cần được các tổ chức tài chính, tín dụng, quỹ xác nhận; vốn, tài sản của tổ chức, cá nhân để đối ứng thực hiện dự án do tổ chức, cá nhân tự bảo đảm;

b) Các nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện dự án cần có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về nguồn kinh phí đó.

3. Trước khi phê duyệt dự án, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án bảo đảm phương án huy động đủ các nguồn tài chính để thực hiện dự án.

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ và sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước

1. Việc cân đối nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo cơ cấu theo tỷ lệ với các nguồn kinh phí huy động khác ngoài ngân sách theo dự án được duyệt. Nhà nước đảm bảo bố trí đủ kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho các dự án đã được phê duyệt.

2. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước được lập kế hoạch chi tiết theo từng loại nguồn vốn cho cả giai đoạn thực hiện; được phân bổ và sử dụng theo tiến độ và cơ cấu trong dự toán của dự án đã được phê duyệt.

3. Quy trình lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

4. Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp sử dụng kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện dự án đảm bảo đúng mục đích, đúng chế độ và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

Điều 5. Nguyên tắc sử dụng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm sử dụng và giải ngân kinh phí ngoài ngân sách nhà nước theo đúng phương án huy động các nguồn tài chính, đảm bảo về cơ cấu theo tỷ lệ với nguồn ngân sách nhà nước theo dự án đã được phê duyệt.

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm giám sát việc huy động, giải ngân nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước đúng tiến độ, cơ cấu, tổng mức theo hợp đồng đã ký.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bảo đảm từ các nguồn:

a) Ngân sách nhà nước:

- Ngân sách Trung ương cân đối cho các nhiệm vụ của Chương trình do các Bộ, ngành thực hiện và các hoạt động chung của Chương trình do Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia (sau đây viết tắt là Văn phòng Chương trình quốc gia) tổ chức thực hiện;

- Ngân sách địa phương và ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương cân đối cho các nhiệm vụ của Chương trình do địa phương thực hiện và các nhiệm vụ do Trung ương ủy quyền địa phương thực hiện;

- Kinh phí do ngân sách nhà nước cân đối thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các Bộ, ngành, địa phương.

b) Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và các quỹ hợp pháp khác;

c) Các nguồn hợp pháp khác (vốn tín dụng, vốn ODA, vốn hợp tác quốc tế, viện trợ của nước ngoài và nguồn vốn khác);

d) Nguồn kinh phí đối ứng bao gồm:

- Kinh phí đóng góp của các cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện dự án, nhiệm vụ;

- Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

2. Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương để triển khai các dự án do Trung ương ủy quyền địa phương quản lý được thực hiện theo nguyên tắc:

a) Đối với địa phương có điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách Trung ương trên 50%, ngân sách Trung ương không hỗ trợ kinh phí thực hiện các dự án mà bố trí từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện;

b) Đối với các địa phương có điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách Trung ương dưới 50%, ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương tối đa 50% mức kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện dự án được quy định tại Thông tư này;

c) Đối với các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách và tỉnh Quảng Ngãi (là tỉnh điều tiết về ngân sách Trung ương nhưng có 06 huyện nghèo), ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương tối đa 70% mức kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện dự án được quy định tại Thông tư này.

3. Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện các dự án thuộc Chương trình có hiệu quả, lồng ghép và không trùng lặp với chương trình, dự án khác.

Điều 7. Nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với các dự án thuộc Chương trình

1. Hỗ trợ mức kinh phí tối đa đến 80 triệu đồng cho hoạt động tư vấn của các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: dự án hỗ trợ thành lập cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; dự án hỗ trợ hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; dự án hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Nội dung các hoạt động tư vấn được thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn trong nước cho cán bộ quản lý và người làm việc tại các cơ sở, đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; các doanh nghiệp khoa học và công nghệ và các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Nội dung và mức chi cụ thể thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức nhà nước và Thông tư số 05/2011/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2011 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Kinh phí sử dụng trang thiết bị, dịch vụ tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hỗ trợ theo định mức như sau:

- Tối đa 50% chi phí vận hành máy móc, thiết bị (bao gồm cả chi phí nhân công) tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Tối đa 30% kinh phí thực hiện các nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: kinh phí mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng trong quá trình thực hiện thí nghiệm; kinh phí thuê các dịch vụ được cung cấp bởi phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

4. Kinh phí cho hoạt động nghiên cứu để phát triển ý tưởng, giải mã công nghệ, hoàn thiện công nghệ để tạo ra sản phẩm mới được hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ 100% kinh phí cho hoạt động nghiên cứu, giải mã công nghệ để ra vật mẫu, thiết kế kỹ thuật.

- Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí cho hoạt động hoàn thiện công nghệ để tạo ra sản phẩm mới.

Nội dung và định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo các quy định hiện hành về sử dụng ngân sách nhà nước đối với đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm.

5. Hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt tối đa 50% tổng mức kinh phí đầu tư (không bao gồm giá trị còn lại hoặc chi phí khấu hao trang thiết bị, nhà xưởng đã có vào tổng mức kinh phí đầu tư) để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm từ việc ứng dụng các sáng chế, giải pháp hữu ích để thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ; tối đa đến 70% tổng mức kinh phí đầu tư để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục các tổ chức hành chính thuộc vùng khó khăn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Nội dung và định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định tại Thông tư số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 của liên Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí và các văn bản khác có liên quan.

6. Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thực hiện hoạt động liên kết với tổ chức hoặc chuyên gia ở nước ngoài của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt để ươm tạo, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, bao gồm các nội dung sau:

- Chi phí thuê chuyên gia nước ngoài giảng dạy, làm việc tại Việt Nam theo hợp đồng giữa chuyên gia nước ngoài với tổ chức, cá nhân sử dụng chuyên gia. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn chuyên gia để thực hiện nội dung này và bảo đảm sử dụng kinh phí hiệu quả.